

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 17/8/2018.

*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản chung ly hôn, thực
hiện nghĩa vụ chung về tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hữu và bà Nguyễn Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2018/TLST-HN&GD ngày 04 tháng 5 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Lò Thị H**; sinh năm: 1986; nơi ĐKKHKT: Bản P, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; chỗ ở hiện nay: Bản K, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp (có mặt).

2. Bị đơn: **Anh Cà Văn L**; sinh năm: 1985; nơi cư trú: Bản P, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên (Bị đơn vắng mặt, không có lý do).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Chị Cà Thị T**; sinh năm 1988; nơi cư trú: Bản P, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 02 tháng 5 năm 2018, bản tự khai tại Tòa án và phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lò Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Cà Văn L chung sống với nhau và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương từ năm 2005. Đến ngày 15/3/2012 mới đi đăng ký kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép

buộc. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015, thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì anh L hay có hành vi đánh đập chị H, có những lần đánh chị H, do sợ mà chị H đã chạy vào nhà trưởng bản để nhờ can thiệp. Đã nhiều lần hai bên gia đình can thiệp, khuyên bảo nhưng anh L không thay đổi. Vì không thể sống chung nên chị và anh L đã sống ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay. Đến nay chị H không còn tình cảm với anh L, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống chung với anh L nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Lò Thị H được ly hôn với anh Cà Văn L.

Về con chung: Chị Lò Thị H và anh Cà Văn L có 02 người con chung, cháu Cà Văn N, sinh ngày 08/7/2005 và cháu Cà Thành L, sinh ngày 21/10/2007. Hiện tại cháu Cà Văn N đang được anh L trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Cà Thành L do ông bà nội của cháu L trực tiếp nuôi dưỡng. Khi nộp đơn khởi kiện, chị có nguyện vọng nuôi cháu N và cháu L cũng đồng ý ở với chị H. Nhưng trong quá trình giải quyết chị H thay đổi nguyện vọng nuôi con vì chị cho rằng thực tế hiện tại anh L đang đưa cháu N đi làm thuê cùng anh L, vì anh L đã trực tiếp nuôi cháu N, nên chị muốn trực tiếp nuôi cháu L mặc dù hiện tại cháu L đang ở với bà nội. Hiện tại ngoài thu nhập từ sản xuất nông nghiệp cùng gia đình bố mẹ đẻ chị H, chị còn đi làm thêm những lúc nông nhàn; thu nhập làm thêm trung bình hằng tháng 6.000.000đ đến 7.000.000đ; chị cũng đảm bảo chỗ ở ổn định để nuôi con. Vì mỗi người nuôi một người con chung, nên không đề nghị anh Cà Văn L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Khi nộp đơn khởi kiện chị Lò Thị H có yêu cầu chia tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản nhưng đến ngày 19/6/2018 chị rút yêu cầu về chia tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết và tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên quan điểm không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành giao các thông báo, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Cà Văn L, nhưng anh L không có mặt để tham gia tố tụng.

Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho người có quyền lợi liên quan là chị Cà Thị T. Chị T đã nhận được thông báo và đến ngày 19/6/2018 chị H có đơn xin rút yêu cầu giải quyết về phần nợ chung, chị T cũng nhất trí, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Về cơ bản đã thực hiện đúng tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm; căn cứ vào Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật HNGĐ năm 2014 về hướng giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, chia tài sản chung, thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản” giữa nguyên đơn chị Lò Thị H và anh Cà Văn L. Sau khi nghiên cứu hồ sơ và tại phiên tòa đưa ra đề nghị như sau: Về hôn nhân: Xét thấy giữa chị Lò Thị H và anh Cà Văn L đã không còn tình cảm, yêu thương, quan tâm lẫn nhau nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị H. Về con chung: Đề nghị giao cháu Cà Văn N, sinh ngày 08/7/2005 cho anh Cà Văn L trực tiếp nuôi dưỡng; giao cho chị Lò Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cà Thành L, sinh ngày 21/10/2007; vì mỗi người

nuôi một người con chung nên chị H không yêu cầu cấp dưỡng; xét thấy là phù hợp nên đề nghị xem xét chấp nhận. Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự rút yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 218 BLTTDS năm 2015, đình chỉ yêu cầu giải quyết về tài sản và nghĩa vụ về tài sản, nếu các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác. Về án phí: Đề nghị căn cứ vào quy định tại Điều 147 BLTTDS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xem xét miễn án phí ly hôn cho chị Lò Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện của chị Lò Thị H với anh Cà Văn L thì được xác định là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, chia tài sản sau ly hôn, thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Thời điểm chị Lò Thị H nộp đơn khởi kiện, anh Cà Văn L có nơi cư trú tại bản P, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án đương sự đã nhận được đầy đủ các thông báo thụ lý, Tòa án cũng đã thực hiện việc niêm yết và xác minh theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Cà Văn L, xét thấy sự vắng mặt không gây cản trở cho việc xét xử mà vẫn đảm bảo được đầy đủ quyền lợi cho anh L. Do đó HĐXX quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[1.2] Về Hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Cà Văn L kết hôn với nhau ngày 15/3/2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Vậy có thể xác định cuộc hôn nhân của chị Lò Thị H và anh Cà Văn L là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014. Kể từ khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được mấy năm đầu, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, giữa vợ chồng còn xảy ra bạo hành gia đình. Chị Lò Thị H vì không thể tiếp tục cuộc sống chung với anh L nên vào tháng 10/2017 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của mình để sinh sống từ đó cho đến nay. Khi sống ly thân giữa hai anh chị cũng không có sự quan tâm chia sẻ hay liên lạc với nhau. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; đã thông báo hợp lệ cho anh Cà Văn L để tham gia hòa giải và phiên tòa để có thể tiến hành hòa giải cho hai anh chị quay về đoàn tụ nhưng anh Cà Văn L không có mặt, nên không tiến hành hòa giải được. Cũng để đảm bảo tính khách quan, toàn diện Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Lò Thị H và anh Cà Văn L thì được biết; cuộc sống hôn nhân của chị Hiên và anh L đã xảy ra mâu thuẫn; anh L đã có hành vi đánh đập chị Hiên, hiện tại không còn chung sống. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng động viên chị H quay về đoàn tụ với anh L, nhưng chị H cho rằng trong

quá trình chung sống chị đã bị anh L đánh đập, ngược đãi chị nhiều lần, nếu như tiếp tục chung sống với anh L có thể chị không giữ được ngay cả tính mạng của mình; nên chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Cà Văn L. Bởi vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng; cuộc sống hôn nhân giữa hai anh chị không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị H, cho chị Lò Thị H ly hôn với anh Cà Văn L.

[2.2] Về con chung: Với nguyện vọng trực tiếp nuôi con và nguyện vọng muốn được sống chung với cha mẹ và quá trình xác minh; Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với cháu Cà Văn N hiện tại anh Cà Văn L đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và khi đi làm ăn xa anh L đã đưa cháu N đi cùng; còn cháu Cà Thanh L hiện tại đang ở nhà với bà nội của cháu. Xét nguyện vọng của chị H và của cháu L; cũng như quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con thì cần giao cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu L; giao cho anh Cà Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Cà Văn N thì mới đảm bảo việc sinh hoạt cũng như học tập của cháu N và cháu L. Bởi vậy, Hội đồng xét xử cần căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu nhận nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung của chị Lò Thị H.

[3.2] Về tài sản chung, nợ chung: Khi thụ lý đơn khởi kiện của chị Lò Thị H, chị H có yêu cầu giải quyết chia tài sản khi ly hôn và phân chia trách nhiệm trả nợ chung. Nhưng đến ngày 19/6/2018 chị H đã có đơn xin rút yêu cầu, người có quyền lợi liên quan là chị T cũng chấp nhận, không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, cần căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ yêu cầu giải quyết về chia tài sản và nghĩa vụ về tài sản giữa các đương sự. Các đương sự, có quyền khởi kiện lại bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[4.2] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử, xét thấy chị Lò Thị H đủ điều kiện được xét miễn án phí ly hôn.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 60, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lò Thị H.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị H được ly hôn với anh Cà Văn L.

3. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Cà Thanh L; sinh ngày 21/10/2007 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Giao cho anh Cà Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Cà Văn N; sinh ngày 08/7/2005 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Chị Lò Thị H và anh Cà Văn L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lò Thị H và anh Cà Văn L có quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị H, anh L thực hiện quyền này.

4. Đình chỉ yêu cầu giải quyết về phân tài sản và nghĩa vụ về tài sản giữa chị Lò Thị H, anh Cà Văn L và chị Cà Thị T. Các đương sự có quyền khởi kiện lại về chia tài sản và nghĩa vụ về tài sản bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

5. Về án phí: Chị Lò Thị H được miễn án phí ly hôn.

6. Quyền kháng cáo: Chị Lò Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/8/2018); anh Cà Văn L, chị Cà Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đường sự;
- UBND xã Chiềng Sinh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nơi nhận
- Phòng KTNV và THA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đường sự;
- Lưu.

Lương Thị Nga